|  |  |
| --- | --- |
| ỦY BAN NHÂN DÂN  QUẬN/HUYỆN  BAN CHỈ ĐẠO PHỔ CẬP  GIÁO DỤC, XÓA MÙ CHỮ  Số: /BC-BCĐ-PCGD-XMC | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  Độc lập – Tự do – Hạnh phúc    *Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 201* |

Mẫu

BÁO CÁO

Quá trình thực hiện và kết quả phổ cập giáo dục, xóa mù chữ năm 20

Căn cứ Kế hoạch số …/KH- …;

Căn cứ tình hình thực hiện và kết quả kiểm tra công tác phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập giáo dục trung học cơ sở, phổ cập bậc trung học và công tác xóa mù chữ trên địa bàn;

Ban chỉ đạo phổ cập giáo dục và xóa mù chữ (PCGD – XMC) quận, huyện báo cáo kết quả thực hiện công tác PCGD – XMC năm 20 như sau:

1. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH
2. Tình hình chung

-

1. Thuận lợi

-

1. Khó khăn

-

1. KẾT QUẢ THỰC HIỆN
2. Công tác chỉ đạo, triển khai thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục, xóa mù chữ; công tác phối hợp với các ban ngành, đoàn thể
3. Phát triển cơ sở vật chất, quy hoạch mạng lưới giáo dục, chuẩn hóa đội ngũ giáo viên
4. Công tác quản lý, theo dõi, điều tra, lưu trữ, kiểm tra công nhận phường, xã, thị trấn, cập nhật hệ thống thông tin quản lý
5. Công tác vận động, tuyên truyền, huy động trẻ đến trường và tổ chức lớp linh hoạt
6. Công tác tài chính, xây dựng chính sách và huy động nguồn lực xã hội
7. Kết quả cụ thể:

- Tỷ lệ huy động người khuyết tật có khả năng học tập tiếp cận giáo dục: ….. %

* 1. *Phổ cập giáo dục mầm non 5 tuổi*

+ Về trẻ em:

- Số trẻ em 5 tuổi đến lớp:………………………; tỷ lệ: …………………….%

- Số trẻ em 5 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non:………….; tỷ lệ:……%

+ Về giáo viên:

- Số giáo viên được hưởng chế độ chính sách theo quy định hiện hành:……./…….; tỷ lệ:……….

- Số giáo viên dạy lớp 5 tuổi: ……..… ./……………lớp.

- Số giáo viên dạy lớp 5 tuổi đạt chuẩn trình độ đào tạo …...…/……; tỷ lệ:………. Trong đó: trên chuẩn ………./………..; tỷ lệ: …………)

- Số giáo viên dạy lớp 5 tuổi đạt chuẩn nghề nghiệp …...…../……..…; tỷ lệ:……….

+ Về cơ sở vật chất:

- Số phòng học cho lớp 5 tuổi: ………………………… Trong đó:

Số phòng kiên cố: ……………/…………….phòng.

Số phòng bán kiên cố: ………../……………phòng.

Số phòng tạm:…………../……………..phòng.

Số phòng học nhờ: ………../…………..phòng.

- Số lớp 5 tuổi có đủ đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu:…………..; tỷ lệ:……..

Kết luận: Số phường/xã/thị trấn đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi: ………./………; tỷ lệ:………….

* 1. *Phổ cập giáo dục tiểu học*

- Thống kê trẻ em 6 – 14 tuổi *(Mẫu 01)*

- Thống kê đội ngũ giáo viên tiểu học *(Mẫu 02)*

- Thống kê cơ sở vật chất giáo dục tiểu học *(Mẫu 03)*

- Đủ giáo viên và nhân viên theo quy định tại Thông tư liên tịch số 35/2006/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 23 tháng 8 năm 2006 (Đủ ⬜ ; Chưa đủ ⬜ )

- Đủ thiết bị dạy học tối thiểu quy định tại Thông tư số 15/2009/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (Đủ ⬜ ; Chưa đủ ⬜ )

- Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn đào tạo: ……%.

- Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp: …… %.

- Tỷ lệ số phòng học: …….. phòng/lớp.

- Số phường/xã/thị trấn đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi mức độ 1: …./…. phường/xã/thị trấn, đạt tỷ lệ: …….%.

- Số phường/xã/thị trấn đạt chuẩn phổ cập giáo tiểu học đúng độ tuổi mức độ 2: …./…. phường/xã/thị trấn, đạt tỷ lệ: …….%.

- Số phường/xã/thị trấn đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi mức độ 3: …./…. phường/xã/thị trấn, đạt tỷ lệ: …….%.

* 1. *Phổ cập giáo dục trung học cơ sở*

- Tổng hợp thanh thiếu niên *(Mẫu 01-THCS-TTN)*

- Tổng hợp kết quả Cán bộ quản lý - Giáo viên *(Mẫu 02-THCS-GV)*

- Tổng hợp cơ sở vật chất *(Mẫu 03-THCS-CSVC)*

- Tổng hợp kết quả phổ cập giáo dục THCS *(Mẫu 04-THCS)*

- Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn đào tạo: ……%.

- Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp: …… %.

- Tỷ lệ số phòng học: …….. phòng/lớp.

- Số phường/xã/thị trấn đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 1: …./…. phường/xã/thị trấn, đạt tỷ lệ: …….%.

- Số phường/xã/thị trấn đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 2: …./…. phường/xã/thị trấn, đạt tỷ lệ: …….%.

- Số phường/xã/thị trấn đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 3: …./…. phường/xã/thị trấn, đạt tỷ lệ: …….%.

- Tỷ lệ thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi từ 15 đến 18 đang học chương trình giáo dục phổ thông hoặc giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông hoặc giáo dục nghề nghiệp: …….%.

- Đánh giá mức độ đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở của quận/huyện: ….

* 1. *Phổ cập giáo dục bậc trung học*

- Tổng hợp kết quả phổ cập bậc trung học *(Mẫu 01-THPT-KQ)*

- Tổng hợp kết quả huy động phổ cập bậc trung học *(Mẫu 02-THPT-HĐ)*

- Tổng hợp hiệu quả phổ cập bậc trung học *(Mẫu 03-THPT-HQ)*

- Tổng hợp trường, trung tâm, cơ sở dạy nghề *(Mẫu 04-THPT-CSVC)*

- Số phường/xã/thị trấn đạt chuẩn phổ cập giáo dục bậc trung học: …./…. phường/xã/thị trấn, đạt tỷ lệ: …….%.

- Đánh giá mức độ đạt chuẩn phổ cập giáo dục bậc trung học của quận/huyện: ….

* 1. *Xóa mù chữ*

1. ĐÁNH GIÁ CHUNG
2. Mặt đạt được
3. Mặt hạn chế
4. PHƯƠNG HƯỚNG NĂM 20

|  |  |
| --- | --- |
| *Nơi nhận:*  - Sở GDĐT;  - TT.QU, TT.UBND quận;  - UBND các phường;  - Lưu: VT, Tr. | TRƯỞNG BAN  PHÓ CHỦ TỊCH |